

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

PICOMAT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18/2024/CV-PICOMAT

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Nhựa Picomat thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 1 năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT**

- Mã chứng khoán: PCH
- Địa chỉ: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024.6329.0555
- Email: info@picomat.vn
- Website: <https://picomat.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 1/2024
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 27/04/2024 tại đường dẫn:

BCTC riêng Picomat Quý 1 năm 2024: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/bctc-rieng-picomat-quy-i-nam-2024>

BCTC hợp nhất Picomat Quý 1 năm 2024: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/bctc-hop-nhat-picomat-quy-i-nam-2024>

Giải trình LNST BCTC riêng và hợp nhất Quý 1 năm 2024: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/giai-trinh-lnst-thu-nhap-doanh-nghiep-tai-bao-cao-kqhd-kd-cua-bctc-rieng-va-hop-nhat-quy-i-nam-2024>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong kỳ báo cáo.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không có

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất); Không có

- Ngày hoàn thành giao dịch: Không có

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng Quý 1/2024;

- BCTC hợp nhất Quý 1/2024;

- Giải trình LNST BCTC riêng và

hợp nhất Quý 1/2024.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đào Thị Kim Oanh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
1- BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2- BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	03 - 04
3- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	05 - 06
4- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	07 - 08
5- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Tổng Giám đốc trân trọng đệ trình Báo cáo tài chính Hợp nhất cho kỳ Quý 1 năm 2024

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 09 năm 2023. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 219.999.900.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong kỳ Quý 1 năm 2024 Công ty kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, các sản phẩm từ plastics.

Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông	Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch
Bà	Đào Thị Kim Oanh	Thành viên
Ông	Đỗ Hải Đăng	Thành viên
Ông	Nguyễn Mạnh Thắng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông	Nguyễn Trung Dũng	Thành viên

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà	Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau

Bà	Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc
----	------------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại Quý 1 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

5. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/03/2024.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2024



Đào Thị Kim Oanh

Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		122,965,249,843	97,796,275,971
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18,928,285,211	23,916,611,263
1. Tiền	111		13,308,285,211	10,016,611,263
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,620,000,000	13,900,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28,440,025,380	22,016,205,800
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5,440,025,380	16,205,800
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	23,000,000,000	22,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,803,441,968	3,129,373,941
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1,566,827,367	231,216,614
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1,015,083,101	1,131,063,368
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	221,531,500	1,767,093,959
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	70,819,920,174	47,735,245,384
1. Hàng tồn kho	141		70,819,920,174	47,735,245,384
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,973,577,110	998,839,583
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	148,692,651	293,874,315
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,818,523,704	704,938,376
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	6,360,755	26,892
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		171,423,757,369	172,542,795,620
II. Tài sản cố định	220		73,697,874,218	74,187,617,588
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	23,973,069,592	24,462,812,962
- Nguyên giá	222		48,925,076,864	48,482,270,028
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24,952,007,272)	(24,019,457,066)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	49,724,804,626	49,724,804,626
- Nguyên giá	228		49,724,804,626	49,724,804,626
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		76,509,349,767	76,509,349,767
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		76,509,349,767	76,509,349,767
IV. Tài sản dài hạn khác	260		21,216,533,384	21,845,828,265
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	8,704,834,717	8,854,611,784
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		139,317,499	80,905,697
3. Lợi thế thương mại	269	V.9	12,372,381,168	12,910,310,784
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		294,389,007,212	270,339,071,591

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		42,953,749,307	20,513,498,144
I. Nợ ngắn hạn	310		42,753,749,307	20,313,498,144
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	13,264,586,989	8,015,041,798
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	398,186,498	27,776,583
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	665,614,786	2,450,333,335
4. Phải trả người lao động	314		723,495,932	921,993,530
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		359,878,690	185,319,394
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	23,791,800	14,532,600
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	27,318,194,612	8,698,500,904
II. Nợ dài hạn	330		200,000,000	200,000,000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	200,000,000	200,000,000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		251,435,257,905	249,825,573,447
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	251,435,257,905	249,825,573,447
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		219,999,900,000	219,999,900,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		219,999,900,000	219,999,900,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,207,827,061	2,207,827,061
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24,958,656,701	22,988,922,492
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		22,988,922,492	11,151,318,344
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1,969,734,209	11,837,604,148
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4,268,874,143	4,628,923,894
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		294,389,007,212	270,339,071,591

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Như Quỳnh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Thị Kim Oanh

Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	37,605,022,392	17,859,722,765	37,605,022,392	17,859,722,765
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		37,605,022,392	17,859,722,765	37,605,022,392	17,859,722,765
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	31,528,986,406	15,146,531,555	31,528,986,406	15,146,531,555
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,076,035,986	2,713,191,210	6,076,035,986	2,713,191,210
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	430,674,436	1,330,371,381	430,674,436	1,330,371,381
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	479,356,785	387,514,752	479,356,785	387,514,752
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		262,320,084	387,514,752	262,320,084	387,514,752
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	1,227,856,024	1,175,300,145	1,227,856,024	1,175,300,145
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	2,101,758,489	1,885,137,653	2,101,758,489	1,885,137,653
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,697,739,124	595,610,041	2,697,739,124	595,610,041
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6,105	1,815,210	6,105	1,815,210
12. Chi phí khác	32	VI.7	241,352	2,462,124	241,352	2,462,124
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(235,247)	(646,914)	(235,247)	(646,914)

Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,697,503,877	594,963,127	2,697,503,877	594,963,127
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	706,231,221	259,146,680	706,231,221	259,146,680
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(58,411,802)	(32,925,730)	(58,411,802)	(32,925,730)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,049,684,458	368,742,177	2,049,684,458	368,742,177
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1,969,734,209	331,408,113	1,969,734,209	331,408,113
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		79,950,249	37,334,064	79,950,249	37,334,064

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Thị Kim Oanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2,697,503,877	594,963,127
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	1,470,479,822	1,537,448,081
- Các khoản dự phòng	03		-	(35,746,402)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(359,636,056)	(1,308,535,831)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	262,320,084	387,514,752
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4,070,667,727	1,175,643,727
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2,330,965,683)	(12,053,755,644)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23,084,674,790)	4,966,164,996
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		5,318,219,336	(864,328,575)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		294,958,731	537,834,404
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(5,423,819,580)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(264,460,496)	(319,271,261)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,201,752,690)	(948,440,939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23,621,827,445)	7,584,431,615
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(442,806,836)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(23,000,000,000)	(22,000,000,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22,000,000,000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,896,614,521	756,944,326
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		453,807,685	(21,243,055,674)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		44,536,973,612	16,594,781,795
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(25,917,279,904)	(8,786,601,189)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(440,000,000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		18,179,693,708	7,808,180,606
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ kế toán</i>	50		(4,988,326,052)	(21,019,306,683)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ kế toán	60		23,916,611,263	36,690,584,484
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ kế toán	70	V.1	18,928,285,211	15,671,277,801

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Như Quỳnh

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Đào Thị Kim Oanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 09 năm 2023. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 219.999.900.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ Quý 1 năm 2024 Công ty kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, sản xuất sản phẩm từ plastics.

3. Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp**6.1 Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần nhựa Picomat	Số 413 Lê Trọng Tấn, P. Kỳ Sơn, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

6.2 Tổng số các Công ty con.

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01 công ty con.

- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Thôn Cầu Liêu, Xã Thạch Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Sản xuất và kinh doanh tấm nhựa, ván nhựa và các sản phẩm khác về nhựa.	95%

6.3 Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	Cho thuê bất động sản và dịch vụ lưu trú ngắn ngày	28.27%	28.27%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- **Phải thu nội bộ** phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

5.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

5.3. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

5.4. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>10 - 30 năm</i>
<i>Máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng</i>	<i>5 - 10 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>7 - 8 năm</i>
<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>5- 10 năm</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm; công cụ dụng cụ; tiền thuê đất trả trước; Lợi thế thương mại ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay ... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng vay.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp ...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó;
2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

18. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

19. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Công cụ tài chính (tiếp theo)**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

21. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Trong kỳ, doanh thu của Công ty chủ yếu liên quan đến các mặt hàng như tấm nhựa, ván nhựa và các sản phẩm khác từ nhựa. Bên cạnh đó, hơn 90% doanh thu của Công ty tập trung ở trụ sở chính tại Hà Nội. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

22. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2024	01/01/2024
Tiền	13,308,285,211	10,016,611,263
Tiền mặt	2,477,572,269	1,412,810,114
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10,830,712,942	8,603,801,149
Các khoản tương đương tiền	5,620,000,000	13,900,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	5,620,000,000	13,900,000,000
Cộng	18,928,285,211	23,916,611,263

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh	5,440,025,380	-	16,205,800	-
Cộng	5,440,025,380	-	16,205,800	-

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	23,000,000,000	-	22,000,000,000	-
Cộng	23,000,000,000	-	22,000,000,000	-

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm và hưởng lãi suất 4.5%/ năm tại Ngân hàng.

c. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Công ty cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	73,000,000,000	-	73,000,000,000	-
Cộng	73,000,000,000	-	73,000,000,000	-

Tên Công ty liên doanh, liên kết	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	73,000,000,000	28.27%	73,000,000,000	28.27%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1,566,827,367	-	231,216,614	-
Công ty TNHH sản xuất thương mại và xuất nhập khẩu Thành Mịch	415,928,811	-	40,278,384	-
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ ván gỗ công nghiệp Thuận Phát	379,746,209	-	167,952,315	-
Công ty TNHH vật tư Dịu Hiền	414,074,564	-	-	-
Khách hàng khác	357,077,783	-	22,985,915	-
Cộng	1,566,827,367	-	231,216,614	-

4. Trả trước cho người bán

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1,015,083,101	-	1,131,063,368	-
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Minh Đức	869,713,359	-	1,003,469,368	-
Công ty TNHH kỹ thuật Quảng Cáo Hà Châu	67,500,000	-	-	-
Các đối tượng khác	77,869,742	-	127,594,000	-
Cộng	1,015,083,101	-	1,131,063,368	-

5. Phải thu khác

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	221,531,500	-	1,767,093,959	-
Lãi dự thu	220,754,796	-	1,765,642,194	-
Phải thu khác	776,704	-	1,451,765	-
Cộng	221,531,500	-	1,767,093,959	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Hàng tồn kho

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	21,492,906,189	-	6,283,262,888	-
Nguyên liệu, vật liệu	31,509,369,504	-	28,673,184,680	-
Công cụ, dụng cụ	789,052,598	-	11,320,186	-
Thành phẩm	11,711,228,179	-	9,248,880,546	-
Hàng hoá	5,317,363,704	-	3,518,597,084	-
Cộng	70,819,920,174	-	47,735,245,384	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Thuyết minh TSCĐ

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2024	5,660,225,077	35,436,887,532	2,150,620,000	1,109,669,034	4,124,868,385	48,482,270,028
Mua trong năm	-	400,925,926	-	41,880,910	-	442,806,836
Số dư tại ngày 31/03/2024	5,660,225,077	35,837,813,458	2,150,620,000	1,151,549,944	4,124,868,385	48,925,076,864
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2024	601,018,506	19,279,391,258	1,159,959,561	568,495,339	2,410,592,402	24,019,457,066
Trích khấu hao trong kỳ	47,168,541	669,454,302	47,260,455	37,037,426	131,629,482	932,550,206
Số dư tại ngày 31/03/2024	648,187,047	19,948,845,560	1,207,220,016	605,532,765	2,542,221,884	24,952,007,272
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2024	5,059,206,571	16,157,496,274	990,660,439	541,173,695	1,714,275,983	24,462,812,962
Số dư tại ngày 31/03/2024	5,012,038,030	15,888,967,898	943,399,984	546,017,179	1,582,646,501	23,973,069,592

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12,921,558,569 VND

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2,544,558,569 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 01/01/2024	49,724,804,626	49,724,804,626
Số dư tại ngày 31/03/2024	49,724,804,626	49,724,804,626
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 01/01/2024	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 31/03/2024	-	-
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 01/01/2024	49,724,804,626	49,724,804,626
Số dư tại ngày 31/03/2024	49,724,804,626	49,724,804,626

(*) Quyền sử dụng đất tại 31/03/2024 bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số 8A + 8B, lô G5 thuộc khu A, khu nhà ở Anh Dũng IV, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

+ Quyền sử dụng đất là lô đất tại Khu đô thị mới Cao Xanh, Hà Khánh A, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

9. Lợi thế thương mại

	Quý 1/2024	Năm 2023
Tại ngày đầu kỳ	12,910,310,784	15,062,029,248
Phân bổ trong kỳ	(537,929,616)	(2,151,718,464)
Tại ngày cuối kỳ	12,372,381,168	12,910,310,784

10. Chi phí trả trước

	31/03/2024	01/01/2024
a. Ngắn hạn	148,692,651	293,874,315
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9,682,053	8,563,410
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	139,010,598	285,310,905
b. Dài hạn	8,704,834,717	8,854,611,784
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	377,539,169	427,994,823
Quyền sử dụng mặt bằng (*)	7,936,546,128	7,994,336,514
Chi phí trả trước dài hạn khác	390,749,420	432,280,447
Cộng	8,853,527,368	9,148,486,099

(*) Quyền sử dụng mặt bằng là quyền sử dụng diện tích sàn tầng 1, tòa nhà CT3B, Mễ Trì Thượng, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Phải trả người bán

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	13,264,586,989	13,264,586,989	8,015,041,798	8,015,041,798
Công ty TNHH Hóa Chất Hoa Minh	3,117,840,000	3,117,840,000	807,840,000	807,840,000
PT ASAHIMAS CHEMICAL	5,575,117,500	5,575,117,500	-	-
Zibo Huaxing Additives Co., Ltd	1,315,144,500	1,315,144,500	1,193,526,950	1,193,526,950
AGC Vinythai Pubic company Limited	2,340,141,000	2,340,141,000	4,994,286,000	4,994,286,000
Phải trả cho các đối tượng khác	916,343,989	916,343,989	1,019,388,848	1,019,388,848
Cộng	13,264,586,989	13,264,586,989	8,015,041,798	8,015,041,798

12. Người mua trả tiền trước

	31/03/2024	01/01/2024
	Ngắn hạn	398,186,498
Công ty cổ phần TN HOME VN	-	10,000,000
Công ty TNHH phát triển thương mại và XNK Trung Thành	217,231,561	-
Công ty TNHH Hoàng Hưng Pro	95,990,864	-
Các đối tượng khác	84,964,073	17,776,583
Cộng	398,186,498	27,776,583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp tăng trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/03/2024
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	298,580,645	162,543,887	452,931,862	8,192,670
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2,953,486,797	2,953,486,797	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	25,725,916	25,725,916	-
Thuế TNDN	2,151,752,690	706,231,221	2,201,752,690	656,231,221
Thuế TNCN	-	24,955,294	23,764,399	1,190,895
Lệ phí môn bài	-	11,000,000	11,000,000	-
Cộng	2,450,333,335	3,883,943,115	5,668,661,664	665,614,786

b. Phải thu

Thuế GTGT	-	-	6,360,755	6,360,755
Thuế TNCN	26,892	26,892	-	-
Cộng	26,892	26,892	6,360,755	6,360,755

14. Phải trả khác

	31/03/2024	01/01/2024
a. Ngắn hạn	23,791,800	14,532,600
Kinh phí công đoàn	23,791,800	14,532,600
b. Dài hạn	200,000,000	200,000,000
Nhận ký quỹ Công ty cổ phần đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	200,000,000	200,000,000
Cộng	223,791,800	214,532,600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Vay và nợ thuê tài chính

	Trong kỳ			Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	31/03/2024	Tăng	Giảm			
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn các ngân hàng	27,318,194,612	44,536,973,612	25,917,279,904	27,318,194,612	8,698,500,904	8,698,500,904
Cộng	27,318,194,612	44,536,973,612	25,917,279,904	27,318,194,612	8,698,500,904	8,698,500,904

Khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng được thực hiện dưới hình thức tín chấp và thế chấp. Các khoản vay này có tài sản đảm bảo và lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	200,000,000,000	2,254,827,061	31,151,218,344	4,468,670,266	237,874,715,671
Lợi nhuận	-	-	331,408,113	37,334,064	368,742,177
Số dư tại ngày 31/03/2023	200,000,000,000	2,254,827,061	31,482,626,457	4,506,004,330	238,243,457,848
Số dư tại ngày 01/01/2024	219,999,900,000	2,207,827,061	22,988,922,492	4,628,923,894	249,825,573,447
Lợi nhuận	-	-	1,969,734,209	79,950,249	2,049,684,458
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	-	(440,000,000)	(440,000,000)
Số dư tại ngày 31/03/2024	219,999,900,000	2,207,827,061	24,958,656,701	4,268,874,143	251,435,257,905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. **Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/03/2024	01/01/2024
Đỗ Thanh Hải	21.50%	47,300,000,000	47,300,000,000
Cổ đông khác	78.50%	172,699,900,000	172,699,900,000
Cộng	100.00%	219,999,900,000	219,999,900,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/03/2024	31/03/2023
Vốn góp của chủ sở hữu	219,999,900,000	200,000,000,000
<i>Vốn góp đầu kỳ</i>	219,999,900,000	200,000,000,000
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	219,999,900,000	200,000,000,000

d. Cổ phiếu

	31/03/2024	31/03/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21,999,990	20,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21,999,990	20,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21,999,990	20,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21,999,990	20,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21,999,990	20,000,000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	10,000	10,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 1/2024	Quý 1/2023
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	37,393,652,032	17,647,881,864
Doanh thu cung cấp dịch vụ	211,370,360	211,840,901
Cộng	37,605,022,392	17,859,722,765

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 1/2024	Quý 1/2023
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	31,497,855,169	15,118,448,555
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	31,131,237	28,083,000
Cộng	31,528,986,406	15,146,531,555

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1/2024	Quý 1/2023
Lãi tiền gửi	58,870,965	1,308,535,831
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	300,798,628	-
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	71,038,380	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	21,835,550
Cộng	430,707,973	1,330,371,381

4. Chi phí tài chính

	Quý 1/2024	Quý 1/2023
Chi phí lãi vay	262,320,084	387,514,752
Lỗ hoạt động đầu tư chứng khoán	217,036,701	-
Cộng	479,356,785	387,514,752

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

	Quý 1/2024	Quý 1/2023
Chi phí nhân viên	652,055,781	585,858,134
Chi phí vật liệu, bao bì	-	51,231,963
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2,134,026	47,299,566
Chi phí khấu hao TSCĐ	148,014,225	181,462,389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	423,342,992	309,448,093
Các khoản chi phí khác	2,309,000	-
Cộng	1,227,856,024	1,175,300,145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (Tiếp theo)

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 1/2024	Quý 1/2023
Chi phí nhân viên quản lý	709,299,605	696,832,521
Chi phí đồ dùng văn phòng	130,610,315	138,251,571
Chi phí khấu hao TSCĐ	89,090,051	88,001,142
Thuế, phí, lệ phí	178,311,576	17,603,050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	455,373,326	369,418,441
Chi phí bằng tiền khác	1,144,000	20,149,016
Dự phòng phải thu khó đòi	-	16,952,296
Phân bổ lợi thế thương mại	537,929,616	537,929,616
Cộng	2,101,758,489	1,885,137,653

6. Thu nhập khác

	Quý 1/2024	Quý 1/2023
Các khoản khác	6,105	1,815,210
Cộng	6,105	1,815,210

7. Chi phí khác

	Quý 1/2024	Quý 1/2023
Các khoản khác	241,352	2,462,124
Cộng	241,352	2,462,124

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 1/2024	Quý 1/2023
Chi phí thuế TNDN hiện hành	706,231,221	259,146,680
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	233,465,222	31,571,608
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	472,765,999	227,575,072
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	706,231,221	259,146,680

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Quý 1/2024	Quý 1/2023
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(58,411,802)	(32,925,730)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(58,411,802)	(32,925,730)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 1/2024	Quý 1/2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,969,734,209	331,408,113
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1,969,734,209	331,408,113
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	21,999,990	20,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	90	17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

11.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 và ngày 31 tháng 03 năm 2023.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 và ngày 31 tháng 03 năm 2023.

11.2 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể

11.3 Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**11.4 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

11.5 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty có nắm giữ tài sản đảm bảo của bên thứ ba tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 và ngày 31 tháng 03 năm 2023.

Tại ngày 31/03/2024	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	27,318,194,612	-	27,318,194,612
Phải trả người bán	31,644,397,436	-	31,644,397,436
Chi phí phải trả	359,878,690	-	359,878,690
Các khoản phải trả khác	-	200,000,000	200,000,000
Cộng	59,322,470,738	200,000,000	59,522,470,738

Tại ngày 01/01/2024	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	8,698,500,904	-	8,698,500,904
Phải trả người bán	24,842,097,240	-	24,842,097,240
Chi phí phải trả	185,319,394	-	185,319,394
Các khoản phải trả khác	-	200,000,000	200,000,000
Cộng	33,725,917,538	200,000,000	33,925,917,538

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/03/2024	Dự phòng	Giá trị	01/01/2024	31/03/2024	01/01/2024
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	28,440,025,380	-	22,016,205,800	-	28,440,025,380	22,016,205,800
- Tiền và các khoản tương đương tiền	18,928,285,211	-	23,916,611,263	-	18,928,285,211	23,916,611,263
- Phải thu khách hàng	1,566,827,367	-	231,216,614	-	1,566,827,367	231,216,614
- Phải thu khác	221,531,500	-	1,767,093,959	-	221,531,500	1,767,093,959
TỔNG CỘNG	49,156,669,458	-	47,931,127,636	-	49,156,669,458	47,931,127,636
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	27,318,194,612	-	8,698,500,904	-	27,318,194,612	8,698,500,904
- Phải trả người bán	13,264,586,989	-	8,015,041,798	-	13,264,586,989	8,015,041,798
- Chi phí phải trả	359,878,690	-	185,319,394	-	359,878,690	185,319,394
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	200,000,000	-	200,000,000	-	200,000,000	200,000,000
TỔNG CỘNG	41,142,660,291	-	17,098,862,096	-	41,142,660,291	17,098,862,096

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch tương xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Quý 1/2024	Quý 1/2023
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	44,536,973,612	16,594,781,795

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Quý 1/2024	Quý 1/2023
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	25,917,279,904	8,786,601,189

VIII. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 và cho kỳ kế toán tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, Công ty có số dư và/hoặc giao dịch với các bên liên quan sau đây:

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đỗ Mạnh Tú	Cổ đông công ty, người có liên quan của người nội bộ (ông Đỗ Thanh Hải và ông Đỗ Hải Đăng)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	Công ty liên doanh, liên kết

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 31/03/2023
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	73,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	73,000,000,000	-
Phải trả dài hạn	200,000,000	200,000,000
Nhận ký quỹ		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	200,000,000	200,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 31/03/2023
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	73,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	73,000,000,000	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	204,600,000	204,600,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	204,600,000	204,600,000
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	204,600,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	204,600,000	-
Mua hàng hóa dịch vụ	106,721,000	23,500,000
Ông Đỗ Mạnh Tú	23,500,000	23,500,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand - Chi nhánh Thái Nguyên	83,221,000	-
Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trong kỳ	106,721,000	23,500,000
Ông Đỗ Mạnh Tú	23,500,000	23,500,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand - Chi nhánh Thái Nguyên	83,221,000	-

2. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Như Quỳnh

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Đào Thị Kim Oanh